

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X,
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 23 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-ĐT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

(Danh mục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 23 (Kỳ họp chuyên đề) biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ nội dung Nghị quyết, tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, lưu ý tiếp thu các nội dung tại Báo cáo thẩm tra số 49/BC-ĐT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 23 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện, HĐND xã, UBND phường, xã;
- Báo và Đài PT-TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TP, Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Thắng

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22./NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
I	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
1	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai
1.1	Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện
1.2	Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
1.3	Điều tra, đánh giá đất đai
1.4	Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất
1.5	Lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất cụ thể
1.6	Xác định giá đất cụ thể
1.7	Lập danh mục và tổ chức cho thuê ngắn hạn các khu đất, thửa đất được giao quản lý nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất
1.8	Thực hiện các dịch vụ trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các dịch vụ khác trong lĩnh vực quản lý đất đai
1.9	Quản lý quỹ đất
1.10	Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất
1.11	Lập và thực hiện dự án tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; lập dự án tạo quỹ đất để giao đất thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
1.12	Tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng tạo lập và phát triển quỹ đất tái định cư để phục vụ Nhà nước thu hồi đất và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương
1.13	Giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai
1.14	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
1.15	Lập phương án phân bổ khoanh vùng đất đai
2	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ
2.1	Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2.2	Đo đạc lập bản đồ địa hình
2.3	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ
2.4	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ
2.5	Lập bản đồ hành chính cấp tỉnh, huyện, xã
2.6	Đo đạc phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính các cấp
2.7	Đo đạc thành lập mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành; trạm định vị vệ tinh chuyên ngành
3	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản

Kiểm

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
3.1	Đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV
3.2	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND thành phố
4	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
4.1	Lập hành lang bảo vệ nguồn nước
5	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
5.1	Hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng
5.2	Lập báo cáo giám sát biến đổi khí hậu: Đánh giá khí hậu thành phố, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu
5.3	Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn
6	Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển và hải đảo
6.1	Điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo
7	Dịch vụ khác
7.1	Thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
7.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên - Môi trường
7.3	Quản trị, vận hành, bảo dưỡng và duy trì hoạt động của các hệ thống thông tin chuyên ngành, trang thông tin điện tử...
7.4	Tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ các phần mềm ngành tài nguyên và môi trường
7.5	Thông tin, truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường
II	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
1	Dịch vụ môi trường
1.1	Quan trắc và phân tích môi trường (không khí, đất, trầm tích, nước...)
1.2	Điều tra, đánh giá, thống kê nguồn thải, sức chịu tải môi trường, kiểm kê chất thải (nước thải, chất thải rắn...)
1.3	Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng
a	Dịch vụ vệ sinh công cộng
b	Dịch vụ xử lý chất thải
c	Dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt
d	Dịch vụ vận hành các công trình trạm trung chuyển rác thải và xử lý nước rỉ rác trên địa bàn thành phố
đ	Dịch vụ giám sát vận hành các công trình hạ tầng môi trường
e	Dịch vụ giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn
1.4	Ứng phó sự cố tràn dầu
1.5	Ứng phó, khắc phục và cảnh báo sự cố môi trường khác
1.6	Vận hành và giám sát các hệ thống quan trắc môi trường tự động (đầu tư công)
1.7	Lập bản đồ chất lượng môi trường